BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 298 /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2021

tamnt.attp_Nguyễn Thanh Tam_31/8/2021 17:32:10

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ gia hạn đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert - Địa chỉ: Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội, thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **35/2021/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Ban QLATTP TP. HCM, Đà Nẵng, Bắc Ninh;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Nguyễn Hùng Long

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số ……./QĐ-ATTP ngày….. tháng….. năm 2021 của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)
I	**Các chỉ tiêu hóa lý**			
1	Xác định hàm lượng Asen, Cadimi, Đồng, Mangan	Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai	V11-126 (TCVN 6193:1996 TCVN 6626:2000)	As: 0,01 mg/l Cd: 0,005 mg/l Cu: 0,01 mg/l Mn:0,01 mg/l
II	**Chỉ tiêu vi sinh vật**			
2	Phát hiện và định lượng *Coliforms*- kĩ thuật MPN	Thực phẩm	V12-15 (TCVN4882:2007)	0,2 MPN/g 0,2 MPN/ml
3	Phát hiện và định lượng *E. coli* giả định- kĩ thuật MPN		V12-09 (TCVN 6846:2007)	0,2 MPN/g 0,2 MPN/ml
4	Phát hiện và định lượng *Enterobacteriaceae* - Kĩ thuật MPN		V12-12 (TCVN 5518-1:2007)	0,2 MPN/g 0,2 MPN/ml
5	Định lượng vi sinh vật - Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa		V12-23 (TCVN 4884-1:2015)	10 CFU/g 1 CFU/ml
6	Định lượng *E. coli* dương tính β-glucuronidase - kĩ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl *β*-d-glucuronid		V12-10 (TCVN7924-2:2008)	10 CFU/g 1 CFU/ml
7	Định lượng Staphylococci dương tính với Coagulase (*Staphylococcus aureus* và loài khác) - Kĩ thuật đếm khuẩn lạc trên BP		V12-11 (TCVN 4830-1:2005)	10 CFU/g 1 CFU/ml
8	Định lượng *Coliforms* - Kĩ thuật đếm khuẩn lạc		V12-18 (TCVN 6848:2007)	10 CFU/g 1 CFU/ml
9	Định lượng *Clostridium perfringens* - Kĩ thuật đếm khuẩn lạc		V12-22 (TCVN 4991:2005)	10 CFU/g 1 CFU/ml
10	Định lượng *Bacillus cereus*- Kĩ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C		V12-24 (TCVN 4992:2005)	10 CFU/g 1 CFU/ml
11	Định lượng *Enterobacteriaceae* - Kĩ thuật đếm khuẩn lạc		V12-13 (TCVN 5518-2:2007)	10 CFU/g 1 CFU/ml
12	Định lượng nấm men, nấm mốc- Sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0.95		V12-19 (TCVN 8275-1:2010)	10 CFU/g 1 CFU/ml
13	Định lượng nấm men, nấm mốc- Sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn 0.95		V12-20 (TCVN 8275-2:2010)	10 CFU/g 1 CFU/ml
14	Phát hiện *Salmonella spp.*		V12-06 TCVN 10780-1:2017	1 CFU/25g
15	Định lượng vi sinh vật - Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật cấy bề mặt		V12-29 (TCVN 4884-2:2015)	10 CFU/g 1 CFU/ml

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)
16	Phát hiện và định lượng Staphylococci dương tính với Coagulase (*Staphylococcus aureus* và loài khác) - Kĩ thuật MPN	Thực phẩm	V12-05 (TCVN 4830-3:2005)	0,2 MPN/g 0,2 MPN/ml
17	Phát hiện *Listeria monocytogenes*		V12-01 (TCVN 7700-1:2007)	4 CFU/25g
18	Định lượng *Listeria monocytogenes*		V12-02 (TCVN 7700-2:2007)	10 CFU/g 1 CFU/ml
19	Phát hiện *Vibrio parahaemolyticus*		V12-03 (TCVN 7905-1:2008)	3 CFU/25g
20	Phát hiện và đếm *Escherichia coli, Coliforms* trong nước – Phương pháp lọc màng	Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai	V12-33 và V12-57 (TCVN 6187-1:2019)	0 CFU/100 ml
21	Phát hiện và đếm *Escherichia coli* trong nước - Phương pháp MPN		V12-14 (TCVN 6187-2:1996)	3 MPN/100 ml
22	Phát hiện và đếm *Coliforms* trong nước - Phương pháp MPN		V12-16 (TCVN 6187-2:1996)	3 MPN/100 ml
23	Phát hiện và đếm *Coliforms* chịu nhiệt trong nước - Phương pháp MPN		V12-17 (TCVN 6187-2:1996)	3 MPN/100 ml
24	Phát hiện và đếm bào tử kị khí khử sulfite (*Clostridia*) - Phương pháp màng lọc		V12-21 (TCVN 6191-2:1996)	0 CFU/100 ml
25	Phát hiện và định lượng *Pseudomona aeruginosa* - Phương pháp màng lọc		V12-25 (TCVN 8881:2011)	0 CFU/100 ml
26	Phát hiện và định lượng *Enterococci* - Phương pháp màng lọc		V12-26 (TCVN 6189-2:2009)	0 CFU/100 ml

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.